TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TD** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2017/HNGĐ - ST
Ngày 29 - 12 - 2017
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lương.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thư.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Xuân Chín - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Mậu Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2017/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn XĐ, xã ĐI, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn CY, xã VH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Ngọc T:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1931;

Địa chỉ: Thôn CY, xã VH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 21 tháng 3 năm 2017 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh T kết hôn vào ngày 20 tháng 11 năm 2014, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, chị về gia đình anh T làm dâu và ở chung với gia đình anh T. Được khoảng 20 ngày, chị về gia đình bố mẹ đẻ chị ở thôn XĐ, xã ĐI, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc ở. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày. Mặt khác, quá trình chung sống chị nhận thấy anh T có những biểu hiện xa lánh, không quan tâm đến chị dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản gì chung.

Về tài sản riêng: Chị và anh T không ai có tài sản riêng.

Về công nợ: Chị và anh T không cho ai vay, nợ ai tài sản gì.

Về công sức: Chị có khoảng 20 ngày ở chung với gia đình anh T nhưng thời gian này chị không cùng gia đình tạo lập được tài sản gì. Ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về đất canh tác: Chị được cấp 01 sào đất canh tác nông nghiệp tại xã ĐI, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện đang do chị quản lý. Anh T được cấp 01 sào đất canh tại thôn CY, xã VH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện nay, bố anh T đang quản lý. Ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T và người đại diện hợp pháp của anh T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập của Tòa án, được Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tuy nhiên, anh Nguyễn Ngọc T và người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Ngọc T là ông Nguyễn Văn C đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T cũng như việc tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Anh T và ông C cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

- Người đại diện hợp pháp của anh T, ông Nguyễn Văn C tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Biên bản lấy lời khai 28 tháng 9 năm 2017, ông C trình bày: Chị H và anh T kết hôn vào ngày 20 tháng 11 năm 2014, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH,

huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, chị H về gia đình ông làm dâu và ở chung với gia đình ông. Được khoảng 18 ngày, chị H đã tự ý bỏ về gia đình bố mẹ đẻ của chị ở thôn XĐ, xã ĐI, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguyên nhân chị H tự ý bỏ về gia đình bố mẹ đẻ của chị, ông không nắm được. Sau khi chị H về gia đình bố mẹ đẻ chị H cũng có một hai lần về thăm ông và anh T. Sau đó, chị về gia đình chị ngay trong ngày. Gia đình hai bên không có dàn xếp gì cho anh, chị về đoàn tụ. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, ông là người đại diện hợp pháp của anh T đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị H.

Về con chung: Chị H và anh T không có con chung.

Về tài sản chung: Chị H và anh T không có tài sản gì chung.

Về tài sản riêng: Chị H và anh T không có tài sản riêng

Về công nợ: Chị H và anh T không cho ai vay, nợ ai tài sản gì.

Về công sức: Chị H có khoảng 18 ngày ở chung với gia đình ông nhưng trong thời gian này chị H không cùng gia đình tạo lập được tài sản gì. Ly hôn, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về đất canh tác: Anh T được cấp 01 sào đất canh tại thôn CY, xã VH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện nay, ông đang quản lý. Chị H không được cấp đất canh tác tại xã VH. Ly hôn, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng như nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn không chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Không có. Về đất canh tác, công sức do chị H và người đại diện hợp pháp của bị đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T và người đại diện hợp pháp của anh T là ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án đã triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc thuộc trường hợp bị đơn cố tình vắng mặt theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Nên Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết công khai về việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 209 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T và người đại diện hợp pháp của anh T là ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn.

[3] Về thẩm quyền: Chị Phạm Thị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện TD giải quyết tranh chấp về ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[4] Về tư cách tham gia tố tụng: Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh Nguyễn Ngọc T, thu thập các tài liệu, chứng cứ tại Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội xác định anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1973 hiện đang là người khuyết tật nặng thuộc đối tượng tâm thần mãn tính hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng theo quyết định số 3173/QĐ - UBND ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Uỷ ban nhân dân huyện TD. Theo quy định tại Điều 22 của Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án đã tiến hành giải thích quyền và nghĩa vụ cho chị Phạm Thị H là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn C là người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Ngọc T về trường hợp anh Nguyễn Ngọc T là đương sự có dấu hiệu tâm thần nhưng chưa có quyết định của Tòa án tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự. Căn cứ trên yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố anh T mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần. Tuy nhiên, chị H, ông C không yêu cầu tuyên bố một người bị mất năng lực hành vi dân sự nên Tòa án tiếp tục tiến hành giải quyết vụ việc trên theo thủ tục chung là có căn cứ và cần thiết. Mặt khác, Tòa án tiến hành lấy lời khai, thông báo người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Ngọc T là ông Nguyễn Văn C thay mặt anh trình bày quan điểm tại Tòa án.

[5] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Ngọc T là hợp pháp. Qúa trình chung sống, do anh Nguyễn Ngọc T là đối tượng tâm thần mãn tính nên anh có biểu hiện xa lánh, không quan tâm đến chị dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2014 cho đến nay. Thời gian anh, chị sống ly thân vợ chồng không có quan hệ tình cảm, gia đình hai bên cũng không dàn xếp để anh, chị về đoàn tụ. Điều này chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị H xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[6] Về con chung: Không có.

[7] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Không có.

[8] Về đất canh tác, công sức: Chị H và người đại diện hợp pháp của bị đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, Về tài sản riêng, công nợ: Không có.

4. Về đất canh tác, công sức: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số: AA/2016/0000547 ngày14 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TD. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Các Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**
Trần Văn Lương - Nguyễn Thị Ngọc Thư	**Trần Tiến Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**
Trần Văn Lương - Nguyễn Thị Ngọc Thư	**Trần Tiến Dũng**

Nơi nhận:
- Viện KSND huyệnTD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- UBND xã VH, huyện TD;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Tiến Dũng